TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-PT
Ngày: 26/01/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản'

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: 1. Ông Y Phi Kbuôr;

2. Ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh-Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 227/2020/TLPT-DS, ngày 26/10/2020 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2020/DS-ST, ngày 18/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270/2020/QĐ-PT, ngày 10/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2020/QĐ-PT ngày 28/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐ-PT ngày 14/01/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Th; địa chỉ: đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Công K; địa chỉ: đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.2. Ông Bùi Văn N; địa chỉ: đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên***

đơn bà Đinh Thị Th trình bày có nội dung như sau:

Vào tháng 12/2014, bà Đinh Thị Th có cho bà Nguyễn Thị H vay tiền 02 lần với tổng số tiền là 169.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng nhưng từ đó đến nay mặc dù đã đòi nhiều lần bà H vẫn không trả. Đến ngày16/01/2019, bà H viết lại Giấy biên nhận mượn tiền, với số tiền là 169.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/02/2020 sẽ thanh toán số tiền nợ. Tuy nhiên, sau đó bà Th đã đòi nợ nhiều lần, nhưng bà H hứa hẹn mà không trả được tiền vay.

Bà Th khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà số tiền là 169.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Khi vay bà H có đưa cho bà Th giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6622xx, do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 03/5/2012 đứng tên chồng bà H là ông Bùi Văn N, để thế chấp làm tin cho khoản vay. Bà Th xác định khoản vay này không liên quan đến chồng bà Th là ông Nguyễn Công K và chồng bà H là ông Bùi Văn N, nên bà chỉ yêu cầu một mình bà H có nghĩa vụ trả nợ. Về thời gian và phương thức thanh toán: Bà H không đồng ý gia hạn trả nợ cho bà H theo phương án bà H đưa ra. Bà chỉ đồng ý gia hạn trả nợ 01 quý bà H phải trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng trả thành 03 đợt. Nếu bà H không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

****/ Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày có nội dung như sau:***

Vào năm 2016, bà Đinh Thị Th có nhiều lần cho bà Nguyễn Thị H vay tiền. Lúc đầu tiền gốc chỉ là 130.000.000 đồng, nhưng sau bà H không có tiền trả nợ nên bà Th buộc bà H viết lại giấy nợ ngày 16/01/2019 với số tiền là 169.000.000 đồng, số tiền này là bao gồm cả tiền lãi cộng lại. Do bà Th tính lãi cao (mức 3%/tháng), nên trong thời gian vay bà H đã trả rất nhiều tiền lãi cho bà Th. Từ đầu năm 2020 đến nay, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà H không có khả năng trả lãi được.

Việc bà Th khởi kiện thì bà H đồng ý trả cho bà Th số tiền theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 16/01/2019 là 169.000.000 đồng, nhưng đề nghị bà Th gia hạn thời gian trả nợ để bà H có thể trả nợ đúng hạn. Về thời gian và phương thức thanh toán nợ: Trả theo phương án trả góp 1 ngày 500.000 đồng hoặc 01 tháng trả 5.000.000 đồng, nếu bà Th không đồng ý thì trả theo quý, mỗi quý trả 30.000.000 đồng, trường hợp bà Th không đồng ý theo thời gian trên thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công K trình bày có nội dung như sau: Về việc vợ ông K là bà Đinh Thị Th có cho bà Nguyễn Thị H vay tiền, thì ông K không biết. Cho đến nay thì ông K mới biết và số tiền này không có liên quan đến ông K nên ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà Th số tiền đã vay là 169.000.000 đồng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn N: Đã được

triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2020/DS-ST, ngày 18/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đinh Thị Th.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Th số tiền nợ là 169.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà Đinh Thị Th có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6622xx đứng tên ông Bùi Văn N, được Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 03/5/2012.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với nội dung: Bà H chỉ vay của bà Th số tiền gốc là 130.000.000 đồng, nhưng do bà Th tính lãi suất cao nên buộc ghi lại giấy nợ thành số tiền 169.000.000 đồng và việc tính lãi suất cao là không phù hợp với quy định của pháp luật; bà H đề nghị Tòa án xem xét lại mức lãi suất của khoản vay để tạo điều kiện cho bà H được thanh toán nợ với số tiền phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày ý kiến xác định: Bà đồng ý trả số tiền nợ là 169.000.000 đồng, tuy nhiên đề nghị được trả góp theo ngày, mỗi ngày 500.000 đồng hoặc trả theo tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Bà Nguyễn Thị H cho rằng thực tế bà chỉ vay của bà Đinh Thị Th số tiền gốc 130.000.000 đồng và do tính lãi suất cao

nên buộc bà viết giấy nợ số tiền 169.000.000 đồng, nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại giấy vay tiền ngày 16/01/2019 thể hiện bà H đã xác nhận có vay của bà Th số tiền là 169.000.000 đồng gốc. Do đó bản án sơ thẩm buộc bà H phải trả cho bà Th số tiền 169.000.000 đồng là có căn cứ, nên kháng cáo của bà H là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2020/DS-ST, ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn N, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Văn N, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo nội dung Giấy biên nhận mượn tiền đề ngày 16/01/2019, thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị H có vay của bà Đinh Thị Th số tiền 169.000.000 đồng, thời hạn mượn đến ngày 30/02/2020 sẽ thanh toán số nợ trên; sau đó bà H tiếp tục viết lại Giấy vay tiền ngày 20/4/2020 và hẹn 01 tháng sẽ trả. Cả hai giấy vay trên, đều thể hiện nội dung bà H có vay của bà Th số tiền là 169.000.000 đồng và bà H thừa nhận hai giấy vay trên do bà viết và ký. Bà H cho rằng số tiền vay gốc chỉ là 130.000.000 đồng, do bà Th tính lãi suất với mức cao nên số tiền mới thành 169.000.000 đồng và kể từ khi vay bà đã trả rất nhiều tiền lãi cho bà Th. Tuy nhiên, bà Th không thừa nhận nội dung này và bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó ý kiến của bà H là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H đồng ý trả cho bà Th số tiền là 169.000.000 đồng, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả theo phương án trả góp theo ngày hoặc trả dần từng tháng. Tuy nhiên phía bà Th không đồng ý cho trả dần theo phương án bà H đưa ra mà yêu cầu phải trả một lần. Do đó ý kiến của bà H xin trả dần số tiền nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định bà H có vay và còn nợ bà Th số tiền là 169.000.000 đồng, các lần viết giấy biên nhận nợ ngày 16/01/2019 và ngày 20/4/2020, bà H đều hẹn thời gian trả nhưng sau đó vẫn không trả được tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ theo như cam kết. Do đó, bản án sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đinh Thị Th, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền nợ là 169.000.000 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ chấp nhận và Hội

đồng xét xử cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đinh Thị Th.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Th số tiền nợ là 169.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bà Đinh Thị Th có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6622xx đứng tên ông Bùi Văn N, được Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 03/5/2012.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 8.450.000 đồng tiền án phí dân sự sư thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0012993 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp.Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Bình